

Tín dụng tăng mạnh, doanh nghiệp vẫn khó chạm dòng vốn

06:24 14/08/2026

Tín dụng toàn nền kinh tế đang tăng với tốc độ cao, các ngân hàng liên tục tung ra những gói vay ưu đãi quy mô lớn, nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn. Rào cản về tài sản bảo đảm, hồ sơ tài chính, dòng tiền và khả năng chứng minh phương án kinh doanh vẫn khiến một bộ phận doanh nghiệp đứng ngoài dòng vốn ngân hàng.

Nghịch lý này cho thấy vấn đề của thị trường tín dụng hiện nay không hẳn nằm ở lượng tiền được đưa ra nền kinh tế, mà ngày càng nằm ở cách dòng tiền được phân bổ.

Theo Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 31/7/2026, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt gần 20,3 triệu tỷ đồng, tăng 8,98% so với cuối năm 2025. Trong đó, dư nợ dành cho khu vực doanh nghiệp đạt hơn 10,7 triệu tỷ đồng.

Những con số trên cho thấy tín dụng vẫn đang tăng nhanh. Tuy nhiên, khả năng hấp thụ vốn giữa các doanh nghiệp có sự khác biệt lớn. Những doanh nghiệp có tài sản bảo đảm tốt, dòng tiền ổn định và hồ sơ tài chính minh bạch thường có lợi thế hơn trong tiếp cận vốn, trong khi doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp mới mở rộng hoặc hoạt động trong những lĩnh vực có tính biến động cao lại gặp nhiều trở ngại hơn.



Doanh nghiệp vẫn gặp nhiều rào cản khi tiếp cận tín dụng dù dư nợ toàn nền kinh tế đang tăng nhanh.

Tài sản thế chấp vẫn là “cánh cửa” lớn

Một trong những điểm nghẽn đáng chú ý của thị trường tín dụng là yêu cầu về tài sản bảo đảm.

Theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2025 của VCCI, hơn 21% doanh nghiệp xem tiếp cận tài chính là một trong những khó khăn lớn nhất. Tỷ lệ các khoản vay yêu cầu tài sản bảo đảm tại Việt Nam lên tới 93,5%, cao hơn nhiều so với một số quốc gia trong khu vực.

Điều này tạo ra khoảng cách đáng kể giữa nhu cầu vốn của doanh nghiệp và điều kiện cấp tín dụng của ngân hàng. Một doanh nghiệp có đơn hàng, thị trường và khả năng tạo doanh thu nhưng thiếu bất động sản hoặc tài sản đủ điều kiện thế chấp vẫn có thể gặp khó khăn khi vay vốn.

Trong khi đó, mô hình kinh doanh hiện đại ngày càng dựa nhiều hơn vào dòng tiền, hợp đồng, đơn hàng, hàng tồn kho, dữ liệu bán hàng và khả năng tạo doanh thu trong tương lai. Nếu việc đánh giá tín dụng vẫn thiên về giá trị tài sản hữu hình, một phần năng lực thực tế của doanh nghiệp có thể chưa được phản ánh đầy đủ.

Đây cũng là lý do việc chuyển từ “cho vay dựa trên tài sản” sang “cho vay dựa trên dòng tiền” đang trở thành yêu cầu quan trọng đối với thị trường.

Tuy nhiên, để thay đổi cách tiếp cận này, doanh nghiệp cũng phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Dòng tiền phải minh bạch, báo cáo tài chính đáng tin cậy, lịch sử giao dịch rõ ràng và phương án kinh doanh có khả năng kiểm chứng. Khi ngân hàng thiếu dữ liệu để đánh giá, tài sản bảo đảm vẫn là công cụ giúp giảm rủi ro tín dụng.

Bài toán vì vậy không chỉ đặt lên vai ngân hàng mà còn liên quan trực tiếp đến quá trình nâng cao năng lực quản trị của doanh nghiệp.

Ở một chiều khác, yêu cầu tăng trưởng tín dụng cũng đặt hệ thống ngân hàng trước bài toán cân đối nguồn vốn. NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 15% trong năm 2026, đồng thời đã điều chỉnh một số cơ chế nhằm tăng khả năng cung ứng vốn. Tuy nhiên, nhu cầu vốn trung và dài hạn lớn trong khi nguồn huy động của ngân hàng vẫn chủ yếu là ngắn hạn khiến việc mở rộng tín dụng phải đi kèm quản trị thanh khoản và kỳ hạn chặt chẽ.

Từ gói vay lớn đến dòng vốn đúng địa chỉ

Để thúc đẩy khả năng tiếp cận vốn, các ngân hàng đang mở rộng nhiều chương trình tín dụng ưu đãi. Bốn ngân hàng thương mại lớn đã đăng ký các gói tín dụng tổng cộng khoảng 210.000 tỷ đồng với lãi suất thấp hơn mặt bằng thị trường dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, quy mô gói vay lớn không đồng nghĩa toàn bộ số vốn sẽ nhanh chóng được giải ngân. Hiệu quả của chính sách phụ thuộc vào khả năng đưa nguồn vốn đến đúng doanh nghiệp có nhu cầu và khả năng sử dụng vốn hiệu quả.

Một hướng tiếp cận đang được đặt ra là thiết kế sản phẩm tín dụng theo từng ngành và chuỗi giá trị thay vì áp dụng một mô hình thẩm định chung. Với doanh nghiệp sản xuất, ngân hàng có thể đánh giá dựa trên đơn hàng, hợp đồng đầu ra, lịch sử thanh toán và dòng tiền. Với doanh nghiệp thương mại, dữ liệu bán hàng và vòng quay hàng tồn kho có thể trở thành cơ sở quan trọng. Còn với những dự án dài hạn, khả năng tạo dòng tiền và tính khả thi của dự án cần được đặt lên hàng đầu.

Cách làm này có thể giúp ngân hàng đánh giá sát hơn sức khỏe thực tế của doanh nghiệp, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho những doanh nghiệp không sở hữu lượng tài sản thế chấp lớn.

Bên cạnh đó, việc giảm chi phí vốn cũng cần được nhìn rộng hơn lãi suất niêm yết. Các khoản phí, điều kiện giải ngân, thời gian xử lý hồ sơ và yêu cầu bổ sung tài sản đều có thể ảnh hưởng đến chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải

chịu.

Về dài hạn, nền kinh tế cũng cần giảm áp lực vốn trung và dài hạn lên hệ thống ngân hàng bằng cách phát triển đồng bộ các kênh dẫn vốn khác như thị trường chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp có thêm lựa chọn huy động vốn, ngân hàng sẽ giảm bớt áp lực cung ứng toàn bộ nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Tín dụng tăng nhanh đang tạo thêm động lực cho sản xuất kinh doanh, nhưng để dòng tiền thực sự trở thành động lực tăng trưởng, cách tiếp cận tín dụng cũng cần thay đổi. Từ tài sản thế chấp sang dòng tiền, từ hồ sơ cứng sang dữ liệu kinh doanh và từ những gói vay chung sang sản phẩm theo từng ngành, đây có thể là bước chuyển quan trọng để thu hẹp khoảng cách giữa nguồn vốn dồi dào của hệ thống ngân hàng và nhu cầu vốn thực tế của doanh nghiệp.

Nam Sơn (t/h)